

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **75/2020/HS-ST**
Ngày 30- 9- 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Toàn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Thế Hanh.

Ông Nguyễn Ngọc Trứ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Nam- Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 63/2020/TLST-HS ngày 04 tháng 9 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2020/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 9 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Đặng Văn V**, sinh năm 1985 tại xã D, huyện Y, tỉnh B. Nơi cư trú: Thôn P, xã D, huyện Y, tỉnh B; Nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hoá (học vấn): Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đặng Văn L- sinh năm 1955 và bà: Khổng Thị M (tên gọi khác Mn)- sinh năm 1959; có vợ: Chưa có và con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: không; nhân thân: Bản án số 01/2012/HSPT ngày 12/01/2012, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xử 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 45 tháng 18 ngày về tội “ Cướp tài sản”. Thi hành án dân sự xong ngày 22/6/2012; Ngày 28/5/2020, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh khởi tố bị can về tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/5/2020 đến nay trong vụ án do Tòa án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh thụ lý. Hiện bị đang đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ, tạm giam Công an huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh- Có mặt.

2. Họ và tên: **Đặng Văn M**, sinh năm 1992 tại xã D, huyện Y, tỉnh B. Nơi cư trú: Thôn P, xã D, huyện Y, tỉnh B; Nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hoá (học

vấn): Lớp 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đặng Văn P- sinh năm 1960 và bà: Khổng Thị L- sinh năm 1967; có vợ: Chưa có và chưa có con; tiền án: Bản án số 68/HSST/2013 ngày 20/5/2013 của Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 30 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thi hành án dân sự xong ngày 13/9/2013, chấp hành xong hình phạt tù ngày 10/4/2015; Bản án số 94/HSST ngày 21/02/2017, Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Giang xử phạt 24 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” (thi hành án dân sự xong ngày 08/6/2017). Bản án số 14/HSST ngày 16/3/2017, Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (thi hành án dân sự xong ngày 11/7/2017). Tổng hợp cả hai bản án Đặng Văn M phải chấp hành là 39 tháng tù. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 19/9/2019; tiền sự: không; nhân thân: Ngày 28/5/2020, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh khởi tố bị can về tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/5/2020 đến nay trong vụ án do Tòa án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh thụ lý. Hiện bị đang đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Ninh- Có mặt.

3. Họ và tên: **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1991 tại xã Đ, huyện H, tỉnh. Nơi cư trú: Thôn Y, xã Đ, huyện H, tỉnh B; Nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hoá (học vấn): Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn K- sinh năm 1968 và bà: Khổng Thị N- sinh năm 1970; có vợ: Chu Thị V- sinh năm 1986 và có 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2019; tiền án; tiền sự: không; nhân thân: Không; bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/5/2020 đến ngày 02/7/2020 được áp dụng biện pháp Bảo lãnh. Hiện bị đang tại ngoại- Có mặt.

- Bị hại: Anh Nguyễn Tá D, sinh năm 1986; Địa chỉ: Thôn X, xã C, huyện H, tỉnh B- Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Ong Xuân D, sinh năm 1991; Địa chỉ: Thôn D, xã C, huyện H, tỉnh B- Vắng mặt.

2. Anh Lê Văn L, sinh năm 1992; Địa chỉ: Thôn G, xã Đ, huyện H, tỉnh B- Vắng mặt.

+ Người định giá tài sản: Bà Nguyễn Thị V- Chủ tịch Hội đồng; bà V Thị V- thành viên thường trực; ông Nguyễn Hữu Q- thành viên; ông Trần Đình H- thành viên; ông Bùi Đức C- thành viên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Buổi tối ngày 28/4/2020, Lê Văn L- sinh năm 1992 trú tại Thôn G, xã Đ, huyện H, tỉnh B và Nguyễn Văn L- sinh năm 1991, trú tại Thôn Y, xã Đ, huyện H, tỉnh B đến nhà Đặng Văn V- sinh năm 1985 ở Thôn P, xã D, huyện Y, tỉnh B chơi. Sau đó có Đặng Văn M- sinh năm 1992 ở cùng thôn với V cũng đến nhà V. Đến khoảng 01 giờ ngày 29/4/2020 V rủ M và L đi trộm cắp tài sản để lấy tiền ăn tiêu. Khi đi, V mang theo 01 chiếc vạm phá khóa hình chữ “T” và 01 chiếc xà cày bằng kim loại dài khoảng 80cm, L mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda RSX, màu đỏ, biển kiểm soát: 98D1- 644.94 của L và điều khiển xe mô tô chở M, V đi từ nhà V về hướng cầu Đông Xuyên rồi sang khu vực xã Châu Minh, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang để tìm kiếm tài sản trộm cắp. Khi đi đến đoạn đường bờ đê sông Cầu thuộc địa phận Thôn X, xã C, huyện H, tỉnh B thì V, M, L phát hiện có 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Dream, biển kiểm soát: 98D1-146.53, số máy: 1568275; số khung: 268183 của anh Nguyễn Tá D- sinh năm 1986 ở Thôn X, xã C, huyện H, tỉnh B để ở rìa bờ sông, không có ai trông coi. Thấy vậy, V bảo L dừng xe lại và xuống xe cầm vạm phá khóa và chiếc xà cày đi xuống vị trí chiếc xe Dream của anh D, còn L và M đứng ở trên đường bờ đê cảnh giới. Sau khi V xuống tới nơi để chiếc xe thì dùng vạm phá ổ khóa điện của xe rồi dắt chiếc xe mô tô vừa trộm cắp được lên đường bờ đê và đạp cần khởi động nhưng xe không nổ máy được nên V bảo với M ngồi lên xe mô tô vừa trộm cắp được còn L điều khiển xe mô tô biển kiểm soát: 98D1- 644.94 chở V phía sau để V dùng chân đẩy chiếc xe vừa trộm cắp được đi song song với nhau và cùng về nhà V ở Thôn P, xã D, huyện Y, tỉnh B. Khi về đến nhà V thì M sửa chiếc xe trộm cắp nổ được máy và dùng cà lê tháo biển kiểm soát ra rồi tắt cả đi ngủ. Khoảng 09 giờ sáng ngày 29/4/2020 V bảo L tiêu thụ chiếc xe trộm cắp để lấy tiền tiêu sài. Sau đó, L truy cập trang page Facebook “Mua bán xe cũ Bắc Giang” và rao bán chiếc xe thì anh Ong Xuân D- sinh năm 1991 ở Thôn D, xã C, huyện H, tỉnh B đặt mua chiếc xe mô tô mà L giao bán, đồng thời hẹn gặp L ở đường tàu Đình Trám thuộc địa phận xã Hồng Thái, huyện Việt Yên, Bắc Giang để giao dịch. Khi xem xe, anh D hỏi L biển số và đăng ký xe thì L nói là biển số và đăng ký đang đi cấp lại. Thấy L nói như vậy, anh D bảo không mua nữa thì L nói khi nào biển số xe và đăng ký được cấp lại thì L sẽ mang xuống cho anh D nên anh D đồng ý mua và trả giá chiếc xe 5.400.000đồng (Năm triệu bốn trăm nghìn đồng), L đồng ý bán. Sau khi bán được xe, L đưa toàn bộ số tiền cho V và được V chia cho 900.000đồng (Chín trăm nghìn đồng) và chia cho M 500.000đồng (Năm trăm nghìn đồng), số tiền còn lại V tiêu sài cá nhân hết.

Ngày 25/5/2020, Đặng Văn V, Đặng Văn M, Nguyễn Văn L đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh đầu thú và khai nhận hành vi trộm cắp như đã nêu trên.

Ngày 26/5/2020, anh Ong Xuân D, sinh năm 1991 trú tại Thôn D, xã C, huyện H, tỉnh B đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh 01 chiếc xe mô tô, nhãn hiệu HONDA, loại xe Dream, màu sơn nâu, không lắp biển kiểm soát; số máy: 1568275; số khung: 268183.

Ngày 02/6/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh có văn bản thông báo và chuyển hồ sơ vụ việc, đối tượng và tang vật đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hiệp Hòa để giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 03/6/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hiệp Hòa có Yêu cầu định giá tài sản số 24/YC yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Hiệp Hòa định giá tài sản đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Dream, số máy: 1568275; số khung: 268183.

Ngày 03/6/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Hiệp Hòa có luận định giá số: 19/KL-HĐĐG kết luận chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Dream, số máy: 1568275; số khung: 268183 trị giá 14.000.000đồng (Mười bốn triệu đồng).

Đối với Lê Văn L là người cho Nguyễn Văn L mượn chiếc xe mô tô biển kiểm soát: 98D1- 644.94, khi cho mượn xe, L không biết L sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản. Đối với Ong Xuân D là người mua xe chiếc mô tô mà L, V, M trộm cắp. Khi mua D không biết đó là tài sản do phạm tội mà có. Do vậy, không có căn cứ để xử lý L và D trong vụ án này.

Đối với chiếc vạm phá khóa, xà cày và chiếc biển kiểm soát 98D1-146.53, quá trình điều tra các bị cáo khai sau khi phạm tội không nhớ đã vứt bỏ ở đâu nên Cơ quan điều tra không thu hồi được.

Tang vật của vụ án: Ngày 19/6/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hiệp Hòa ra Quyết định xử lý vật chứng số 37/QĐ trả lại cho anh Nguyễn Tá D chiếc xe mô tô, nhãn hiệu HONDA, loại xe Dream, màu sơn nâu số máy: 1568275; số khung: 268183, không có biển kiểm soát.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Tá D đã nhận lại được tài sản và anh Ong Xuân D là người đã mua chiếc xe mô tô với số tiền 5.400.000đồng nhưng cả hai đều không yêu cầu gì về dân sự.

Từ hành vi trộm cắp tài sản nêu trên của các bị cáo: Đặng Văn V, Đặng Văn M và Nguyễn Văn L, tại bản cáo trạng số 66/CT-VKS- HH ngày 28/8/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang đã truy tố các bị cáo: Đặng Văn V và Nguyễn Văn L ra trước Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang để xét xử về tội “Trộm cắp tài sản”, theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình

sự; truy tố bị cáo Đặng Văn M về tội “Trộm cắp tài sản”, theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự

Tại phiên tòa công khai sơ thẩm, các bị cáo thừa nhận đã có hành vi trộm cắp tài sản như cáo trạng truy tố và nội dung vụ án đã tóm tắt nêu trên, rất hối hận về việc làm của mình, thành khẩn khai báo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt tù cho các bị cáo.

Bị hại (anh Nguyễn Tá D) trình bày: Tối ngày 28/4/2020 anh đi xe máy Honda dream BKS 98D1- 14653 từ nhà ra chỗ lồng cá của anh ở sông Cầu thuộc địa phận thôn Xuân Thành, Châu Minh. Đến nơi anh dựng xe máy ở chân đê gần lồng cá và đi ngủ, sáng dậy thì không thấy xe máy đâu, lúc đó mới biết xe máy bị mất trộm. Đến nay anh D đã nhận lại được chiếc xe bị mất cắp, anh D không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì về dân sự, đề nghị xử lý về hình sự đối với các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa giữ nguyên quan điểm như cáo trạng truy tố các bị cáo Đặng Văn V và Nguyễn Văn L về tội “Trộm cắp tài sản”, theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo Đặng Văn M về tội “Trộm cắp tài sản”, theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Sau khi phân tích tính chất vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của các bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo: Đặng Văn V, Đặng Văn M và Nguyễn Văn L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự; Xử phạt:

Đặng Văn V từ 18 tháng tù đến 20 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

2. Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự; Xử phạt:

Đặng Văn M từ 30 tháng tù đến 36 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

3. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự; Xử phạt:

Nguyễn Văn L từ 10 tháng tù đến 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 20 tháng đến 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo: Nguyễn Văn L cho UBND xã Đ, huyện H, tỉnh H giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- *Về án phí:* Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án: Các bị cáo Đặng Văn V và Nguyễn Văn L mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm. Miễn toàn bộ tiền án phí hình sự cho bị cáo Đặng Văn M do bị cáo M thuộc diện hộ nghèo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện theo các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Việc truy tố của Viện kiểm sát đối với bị cáo và mức án do kiểm sát viên đề nghị là có căn cứ và đúng pháp luật, phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo.

[2]. Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa thống nhất với lời khai tại Cơ quan điều tra về thời gian, địa điểm, quá trình các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Tài sản các bị cáo trộm cắp đã chứng minh được có tổng trị giá là 14.000.000đồng (Mười bốn triệu đồng). Đối với bị cáo Đặng Văn V đã bị kết án về tội Cướp tài sản năm 2012 đến nay đã được xóa án tích; bị cáo L chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo M đã bị kết án về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy năm 2013 và tội Trộm cắp tài sản năm 2017, đều chưa được xóa án tích, vì vậy xác định lần phạm tội này là tái phạm nguy hiểm. Như vậy, Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ kết luận cho các bị cáo: Đặng Văn V và Nguyễn Văn L phạm tội “Trộm cắp tài sản”, theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự; bị cáo Đặng Văn M phạm tội “Trộm cắp tài sản”, theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, gây hoang mang dao động và làm bất bình trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm các bị cáo để giáo dục riêng và góp phần răn đe phòng ngừa chung.

- *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự.

- *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối

cải” và “đầu thú” theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự; Bị cáo L còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ “phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” theo quy định tại điểm i khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án thấy rằng: Bị cáo Đặng Văn V phải chịu trách nhiệm là vai trò chính của vụ án, bởi lẽ bị cáo là người rủ các bị cáo: M, L đi trộm cắp tài sản, là người chuẩn bị công cụ phương tiện phạm tội, cũng là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp xe mô tô của anh Nguyễn Tá D và sử dụng số tiền có được khi bán xe trộm cắp nhiều nhất. Đối với bị cáo M và bị cáo L giữ vai trò giúp sức tích cực để bị cáo V thực hiện hành vi trộm cắp xe. Xét về nhân thân: Các bị cáo V, M có nhân thân xấu, bị cáo V đã 01 lần bị kết án về tội Cướp tài sản nay đã được xóa án tích; bị cáo M đã 02 lần bị kết án về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy và Trộm cắp tài sản đều chưa được xóa án tích. Vì vậy cần cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian đủ để các bị cáo cải tạo trở thành công dân có ích cho xã hội. Tuy nhiên, xét các bị cáo sau khi có hành vi phạm tội đã ra đầu thú, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, vì vậy cũng cần chiếu cố giảm nhẹ cho các bị cáo khi L hình. Đối với bị cáo L chưa có tiền án, tiền sự và có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự nên cũng cần chiếu cố giảm nhẹ cho bị cáo khi L hình.

- *Về trách nhiệm dân sự:* Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường về dân sự, vì vậy không xem xét giải quyết về dân sự trong vụ án này.

- *Về án phí:* Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo: Đặng Văn V, Đặng Văn M và Nguyễn Văn L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự; Xử phạt:

Đặng Văn V **18 (Mười tám)** tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

2. Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự; Xử phạt:

Đặng Văn M **30 (Ba mươi)** tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” , thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

3 . Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự; Xử phạt:

Nguyễn Văn L **12 (Mười hai)** tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (Hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo: Nguyễn Văn L cho UBND xã Đ, huyện H, tỉnh H giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách . Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- *Về án phí:* Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án: Các bị cáo Đặng Văn V và Nguyễn Văn L mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm. Miễn toàn bộ tiền án phí hình sự cho bị cáo Đặng Văn M do bị cáo M thuộc diện hộ nghèo.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho bị cáo có mặt biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Bắc Giang.
- VKSND tỉnh Bắc Giang.
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- Công an huyện Hiệp Hòa.
- Chi cục THADS h.Hiệp Hòa;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Bị cáo.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Toàn